

**Phật Thuyết
A Di Đà Kinh**
Buddha Spoke the Amitabha Sutra

佛
說
阿
彌
陀
經

Tam Tạng Pháp Sư
Cưu Ma La Thập
kính dịch

Lián Chí Zàn

蓮池讚

LIÊN TRÌ TÁN

Lotus Pool Praise

Lián Chí Hǎi Huì, Mí Tuó Rú Lái,
蓮池海會, 彌陀如來,
Liên Trì Hải Hội, Di Đà Như Lai,
In the vast Lotus Pool Assembly, Amita the Tathagata together

Guān Yīn Shì Zhì Zuò Lián Tài.
觀音勢至坐蓮臺.
Quán Âm Thế Chí tọa liên đài.
with Avalokitesvara and Mahasthamaprapta. Receives us and

Jiē Yīn Shàng Jīn Jiē, Dà Shì
接引上金階, 大誓
Tiếp dẫn thượng kim giai, đại thệ
leads us to ascend the lotus platforms; Great vows magnificently

Hóng Kāi, Pǔ Yuàn Lí Chén Ai.
弘開, 普願離塵埃.
hoàng khai, phổ nguyện ly trần ai.
taking. We universally wish all to leave the mundance world.

Ná Mó Lián Chí Hǎi Huì Pú Sà Mó Hē Sà.
南無蓮池海會菩薩摩訶薩
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.
Homage to Bodhisattvas Mahasattvas in the Lotus Pool's Assembly.

Ná Mó Lián Chí Hǎi Hùi Fó Pú Sà.
南 無 蓮 池 海 會 佛 菩 薩
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.
Homage to Bodhisattvas Mahasattvas in the Lotus Pool's Assembly.

Fó Shuō A Mí Tuó Jīng
佛 說 阿 彌 陀 經
PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH
Buddha Spoke the Amitabha Sutra

Rú Shì Wǒ Wén: Yí Shí Fó Zài Shě Wèi
如 是 我 聞: 一 時 佛 在 舍 衛
Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vê
Thus I have heard. Once Buddha was in the country

Guó, Qí Shù Gěi Gū Dú Yuán, Yǔ Dà Bǐ
國. 祇 樹 給 孤 獨 園, 與 大 比
Quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dĩ đại Tỷ
of Śrāvastī, at the Jeta Grove of Anāthapindika an

Qiū Sēng, Qiān Èr Bǎi Wǔ Shí Rén Jū,
丘 僧, 千 二 百 五 十 人 俱,
kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu,
assembly of one thousand two hundred fifty great

Jiē Shì Dà A Luó Hàn, Zhòng Suǒ Zhī Shì:
皆 是 大 阿 羅 漢. 眾 所 知 識:
giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức:
Bhikshus all were Great Arhats and well known to all in the assembly:

Zhǎng Lǎo Shè Lì Fó, Mó Hē Mù Jiàn
長 老 舍 利 弗, 摩 訶 目 犍
Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền
like Elder Sāriputra 。 Great Maudgalyana 。

Lián, Mó Hē Jiā Shè, Mó Hē Jiā Zhān Yán,
連, 摩 訶 迦 葉, 摩 訶 迦 梅 延,
Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên,
Great Kasyapa 。

Mó Hē Jū Chī Luó, Lí Pó Duō, Zhōu Lì
摩 訶 俱 絺 羅, 離 婆 多, 周 利
Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi
Great Kausthila 。

Pán Tuó Qié, Nán Tuó, A Nán Tuó, Luó Hóu Luó,
槃 陀 伽, 難 陀, 阿 難 陀, 羅 睺 羅,
Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hâu La,
Suddhipanthaka 。

Jiāo Fàn Pō Tí, Bīn Tóu Lú Pǒ Luó Duò,
憍 梵 波 提, 賓 頭 盧 頗 羅 墮,
Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đa,
Gavampati 。

Jiā Liú Tuó Yí, Mó Hē Jié Bīn Nà, Bó
迦 留 陀 夷, 摩 訶 劫 賓 那, 薄
Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc
Kalodayin 。

Jū Luó, A Nuò Lóu Tuó, Rú Shì Děng Zhū
拘 羅, 阿 耨 樓 駄, 如 是 等 諸
Câu La, A Nậu Lôu Đà, như thị đẳng chư
Vakula 。 Aniruddha 。 and other such great disciples 。

Dà Dì Zǐ. Bìng Zhū Pú Sà Mó Hē Sà:
大 弟 子. 并 諸 菩 薩 摩 訶 薩.
đại đệ tử. Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát:
Also there were Great Bodhisattvas 。

Wén Shū Shī Lì Fǎ Wáng Zǐ, A Yì Duō
文 殊 師 利 法 王 子. 阿 逸 多
Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa
Manjushri Prince of the Dharma 。

Pú Sà, Qián Tuó Hē Tí Pú Sà, Cháng Jīng
菩 薩, 乾 陀 訶 提 菩 薩, 常 精
Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh
Gandhahastin Bodhisattva 。

Jìn Pú Sà, Yǔ Rú Shì Děng Zhū Dà Pú
進 菩 薩, 與 如 是 等 諸 大 菩
Tán Bồ Tát, dũ như thị đẳng chư đại Bồ
Bodhisattva 。

Sà, Jí Shì Tí Huán Yīn Děng, Wú Liàng
薩, 及 釋 提 桓 因 等, 無 量
Tát, cập Thích Đề Hoàn nhân đẳng, vô lượng
Great Bodhisattvas 。

Zhū Tiān Dà Zhòng Jū. Er Shí Fó Gào
諸 天 大 眾 俱. 爾 時 佛 告
chư thiên đại chúng câu. Nhĩ thời Phật cáo
countless Heavenly Beings in the assembly 。 At that time Buddha

Zhǎng Lǎo Shè Lì Fó: Cóng Shì Xī
長 老 舍 利 弗: 從 是 西
Trưởng Lão Xá Lợi Phát: Tùng thị Tây
said to Elder Sāriputra 。 From here and following the West

Fāng, Guò Shí Wàn Yì Fó Tǔ, Yǒu Shì
方 過 十 萬 億 佛 土, 有 世
phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế
direction, past ten billion Buddha lands 。

Jiè Míng Yuē Jí Lè, Qí Tǔ Yǒu Fó, Hào
界 名 曰 極 樂, 其 土 有 佛, 號
giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu
there exists a world named Ultimate Bliss 。

A Mí Tuó, Jīn Xiàn Zài Shuō Fǎ. Shè Lì
阿 彌 陀, 今 現 在 說 法. 舍 利
A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi
Buddha named Amitābha 。

Fó! Bǐ Tǔ Hé Gù Míng Wéi Jí Lè? Qí Guó
弗! 彼 土 何 故 名 為 極 樂? 其 國
Phật! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc
Dharma 。

Zhòng Shèng Wú Yǒu Zhòng Kǔ, Dàn Shòu Zhū
眾 生 無 有 眾 苦, 但 受 諸
chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư
In that land sentient beings do not have myriad sufferings 。 and only

Lè, Gù Míng Jí Lè. Yòu Shè Lì Fó! Jí
樂, 故 名 極 樂. 又 舍 利 弗! 極
lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phất! Cực
receive myriad joys. That is why it is named Ultimate Bliss 。

Lè Guó Tǔ, Qī Chóng Lán Shǔn, Qī Chóng
樂 國 土, 七 重 欄 楯, 七 重
Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng
Moreover, Sāriputra 。

Luó Wǎng, Qī Chóng Háng Shù, Jiē Shì Sì Bǎo,
羅 網, 七 重 行 樹, 皆 是 四 寶,
la vông, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo,
seven rings of railings, seven rows of nets and seven rows of trees 。

Zhōu Zā Wéi Rào, Shì Gù Bǐ Guó Míng Wéi
周 匝 圍 繞, 是 故 彼 國 名 為
châu táp vi nhiều, thị cố bỉ quốc danh vi
All are made of four precious jewels 。

Jí Lè. Yòu Shè Lì Fó! Jí Lè Guó
極 樂. 又 舍 利 弗! 極 樂 國
Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc
Ultimate Bliss 。

Also Sāriputra 。

Tũ, Yǒu Qī Bǎo Chí, Bā Gōng Dé Shuǐ,
土, 有 七 寶 池, 八 功 德 水,
độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy,
ponds made of seven jewels 。 and full of water of eight merits

Chōng Mǎn Qí Zhōng, Chí Dǐ Chún Yī Jīn Shā
充 滿 其 中, 池 底 純 以 金 沙
sung mǎn kỳ trung, trì để thuần dĩ kim sa
and virtues 。 The pond bottom is filled with pure gold sand 。 On

Bù Dì. Sì Biān Jiē Dào, Jīn, Yín, Liú Lí,
布 地. 四 邊 階 道, 金, 銀, 瑠 璃,
bố địa. Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly,
four sides of the ponds are the steps and walkways 。 made of gold,

Bō Lí Hé Chéng; Shàng Yǒu Lóu Gé, Yì
玻 璃 合 成; 上 有 樓 閣, 亦
pha lê hiệp thành; thượng hữu lâu các, diệc
silver, lapis lazuli and crystal 。 Above them are towers 。 with

Yī Jīn, Yín, Liú Lí, Bō Lí, Chē Qǔ, Chì Zhū,
以 金, 銀, 瑠 璃, 玻 璃, 碑 磬, 赤 珠,
dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu,
adornments made also of gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother

Mǎ Nǎo, Ēr Yán Shì Zhī. Chí Zhōng Lián
瑪 瑙, 而 嚴 飾 之. 池 中 蓮
mã nảo, nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên
pearl, red agate and carnelian. In the ponds are lotus flowers as big as

Huá, Đà Rú Chē Lún: Qīng Sè Qīng
華, 大 如 車 輪: 青 色 青
hoa, đại như xa luân: thanh sắc thanh
carriage wheels. blue ones with blue light.

Guāng, Huáng Sè Huáng Guāng, Chì Sè Chì
光, 黃 色 黃 光, 赤 色 赤
quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích
yellow ones with yellow light. red ones with red

Guāng, Bái Sè Bái Guāng, Wēi Miào Xiāng
光. 白 色 白 光, 微 妙 香
quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương
light. white ones with white light. All are wonderful, fragrant and

Jié. Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Chéng
潔. 舍 利 弗! 極 樂 國 土, 成
kiết. Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành
pure 。 Sāriputra 。 The land of Ultimate Bliss is complete

Jiù Rú Shì Gōng Dé Zhuāng Yán.
就 如 是 功 德 莊 嚴.
tự như thị công đức trang nghiêm.
with all these merits and adornments.

Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó Tǔ Cháng
又 舍 利 弗! 彼 佛 國 土 常
Hựu Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ thường
Also Sāriputra 。 in that Buddha land , there is constantly

Zuò Tiān Yuè, Huáng Jīn Wéi Dì, Zhòu Yè Liù
作 天 樂, 黃 金 為 地, 晝 夜 六
tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa, trú dạ lục
celestial music, and the ground is made of pure gold 。 Day and night

Shí, Yù Tiān Mǎn Tuó Luó Huá. Qí Tǔ Zhòng
時, 雨 天 曼 陀 羅 華. 其 國 眾
thời, vũ thiên mạn đà la hoa. Kỳ độ chúng
six times, Mandara flowers rain down from heaven 。 In that land

Shēng, Cháng Yǐ Qīng Dàn, Gè Yǐ Yī Gé,
生 常 以 清 旦, 各 以 衣 祴
sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích,
sentient beings in early morning use cloth bags to hold myriad

Chéng Zhòng Miào Huá, Gòng Yǎng Tā
盛 眾 妙 華. 供 養 他
thạnh chúng diệu hoa, cúng dường tha
wonderful flowers , and make offering to ten billion

Fāng Shí Wàn Yì Fó, Jí Yǐ Shí Shí,
方 十 萬 億 佛, 即 以 食 時,
phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời,
Buddhas in other directions 。 At meal time they

Huán Dào Běn Guó, Fàn Shí Jīng Xíng.
還 到 本 國, 飯 食 經 行.
hoàn đáo bản quốc, phạn thực kinh hành.
return to their own land 。 After eating they circumambulate 。

Shè Lì Fó! Jí Lè Guó Tǔ, Chéng Jiù
舍 利 弗! 極 樂 國 土, 成 就
Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu
Sāriputra 。 The land of Ultimate Bliss is complete with

Rú Shì Gōng Dé Zhuāng Yán. Fù Cì
如 是 功 德 莊 嚴. 復 次
như thị công đức trang nghiêm. Phục thứ
all these merits and adornments 。 Moreover,

Shè Lì Fó, Bǐ Guó Cháng Yǒu Zhǒng
舍 利 弗, 彼 國 常 有 種
Xá Lợi Phất, bỉ quốc thường hữu chủng
Sāriputra 。 In that land there are all kinds

Zhǒng Qí Miào, Zá Sè Zhī Niǎo: Bái Hè,
種 奇 妙, 雜 色 之 鳥: 白 鵠,
chủng kỳ diệu, tạp sắc chi diểu: Bạch Hạc,
of colorful and beautiful birds 。 like white cranes,

Kǒng Què, Yīng Wǔ, Shè Lì, Jiā Líng Pín Qié.
孔 雀, 鸚 鵡, 舍 利, 迦 陵 頻 伽.
Khổng Tước, Anh Vũ, xá Lợi, Ca Lăng Tần Già.
peacocks , orioles, myna birds and cuckoos 。

Gòng Mìng Zhī Niǎo, Shì Zhū Zhòng Niǎo, Zhòu
共 命 之 鳥, 是 諸 眾 鳥, 晝
Cộng mạng chi diểu, thị chư chúng diểu, trú
All these birds 。 day and night six times make harmonious

Yè Liù Shí, Chū Hé Yǎ Yīn. Qí Yīn Yǎn
夜 六 時 出 和 雅 音. 其 音 演
dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn
and elegant sounds. Those bird songs expound Dharma teachings

Chàng: Wǔ Gēn, Wǔ Lì, Qī Pú Tí Fēn,
暢: 五 根, 五 力, 七 菩 提 分,
xương: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần,
such as five roots , five powers , seven awakening factors,

Bā Shèng Dào Fēn, Rú Shì Děng Fǎ. Qí
八 聖 道 分, 如 是 等 法. 其
bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp. Kỳ
the factors of the noble eightfold path etc... 。 In that land when

Tǔ Zhòng Shēng, Wén Shì Yīn Yǐ, Jiē Xī Niàn
土 眾 生, 聞 是 音 已, 皆 悉 念
độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm
sentient beings listen to the bird songs 。 they all pray to the

Fó, Niàn Fǎ, Niàn Sēng.
佛, 念 法, 念 僧.

Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Buddhas , pray to the Dharma and pray to the Sangha 。

Shè Lì Fó! Rǔ Wù Wèi Cǐ Niǎo, Shí Shì
舍 利 弗! 汝 勿 謂 此 鳥, 實 是
Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử diểu, thật thị
Sāriputra 。

Zuì Bào Suǒ Shēng. Suǒ Yǐ Zhě Hé? Bǐ Fó Guó
罪 報 所 生. 所 以 者 何? 彼 佛 國
tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bĩ Phật quốc
for past misdeeds 。 Why so? 。 Because that Buddha land

Tǔ Wú Sān È Dào. Shè Lì Fó! Qí Fó
土 無 三 惡 道. 舍 利 弗! 其 佛
độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật
has no three evil destinies 。 Sāriputra 。 In that Buddha

Guó Tǔ Shàng Wú È Dào Zhī Míng, Hé
國 土 尚 無 惡 道 之 名, 何
quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà
land even the names of evil paths do not exist 。 much less their

Kuàng Yǒu Shí, Shì Zhū Zhòng Niǎo, Jiē Shì
況 有 實, 是 諸 眾 鳥, 皆 是
huáng hǔ thật, thị chư chúng diểu, giai thị
real existence . All those birds are created by

A Mí Tuó Fó, Yù Lìng Fǎ Yīn Xuān Liú
阿 彌 陀 佛, 欲 令 法 音 宣 流
A Di Đà Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu
Amitābha Buddha 。 who wants to broadcast the Dharma

Biàn Huà Suǒ Zuò. Shè Lì Fó! Bǐ Fó Guó
變 化 所 作. 舍 利 弗! 彼 佛 國
biến hóa sở tác. Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc
sounds 。 Sāriputra 。 In that Buddha land 。

Tǔ Wēi Fēng Chuī Dòng, Zhū Bǎo Háng Shù,
土 微 風 吹 動, 諸 寶 行 樹,
độ vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ,
light winds touch the rows of jeweled trees

Jí Bǎo Luó Wǎng, Chū Wēi Miào Yīn, Pì Rú Bǎi
及 寶 羅 網, 出 微 妙 音, 譬 如 百
cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách
and the jeweled nets, and produce wondrous sounds 。 like hundreds

Qiān Zhǒng Yuè Tóng Shí Jū Zuò. Wén Shì
千 種 樂 同 時 俱 作. 聞 是
thiên chủng nhạc đồng thời cụ tác. Văn thị
and thousands of melodies simultaneously playing together 。

Yīn Zhě, Zì Rán Jiē Shēng: Niàn Fó, Niàn
音 者, 自 然 皆 生: 念 佛, 念
âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm
Listening to those sounds gives rise to the prayers to the Buddhas, the

Fǎ, Niàn Sēng Zhī Xīn. Shè Lì Fó! Qí
法, 念 僧, 之 心. 舍 利 弗! 其
Pháp, niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất! Kỳ
prayers to the Dharma and the prayers to the Sangha 。 Sāriputra 。

Fó Guó Tǔ, Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé
佛 國 土 成 就 如 是 功 德
Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức
That Buddha land is complete with these merits and

Zhuāng Yán. Shè Lì Fó! Yú Rǔ Yì Yún Hé?
莊嚴. 舍利弗! 於汝意云何?
trang nghiêm. Xá Lợi Phất! U' nhữ ý vân hà?
adornments 。 Sāriputra 。 What do you think ? 。

Bǐ Fó Hé Gù Hào A Mí Tuó? Shè Lì Fó!
彼佛何故號阿彌陀? 舍利弗!
Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Xá Lợi Phất!
Why is that Buddha named Amitābha ? 。

Bǐ Fó Guāng Míng Wú Liàng, Zhào Shí
彼佛光明無量, 照十
Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập
That Buddha has infinite bright light 。

Fāng Guó, Wú Suǒ Zhàng Ài, Shì Gù Hào
方國無所障礙, 是故號
phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu
directions without any obstruction 。

Wéi A Mí Tuó. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Shòu
為阿彌陀. 又舍利弗! 彼佛壽
vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ
named Amitābha 。

Mìng, Jí Qí Rén Mín, Wú Liàng Wú Biān A
命, 及其人民無量無邊阿
mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên a
live for infinite boundless incalculable eons 。

Sēng Qí Jié, Gù Míng A Mí Tuó. Shè Lì Fó!
僧 祇 劫, 故 名 阿 彌 陀. 舍 利 弗!
tăng kỳ kiếp, cổ danh A Di Đà. Xá Lợi Phất!
That is why that Buddha is named Amitābha 。 Sāriputra 。

A Mí Tuó Fó Chéng Fó Yǐ Lái, Yú Jīn Shí
阿 彌 陀 佛 成 佛 已 來, 於 今 十
A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập
Amitābha Buddha became a Buddha ten eons ago 。

Jié. Yòu Shè Lì Fó! Bǐ Fó Yǒu Wú Liàng
劫. 又 舍 利 弗! 彼 佛 有 無 量
kiếp. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng
Also Sāriputra 。

Wú Biān Shēng Wén Dì Zǐ, Jiē A Luó Hàn, Fēi
無 邊 聲 聞 弟 子, 皆 阿 羅 漢, 非
vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi
Voice-hearer disciples 。

Shì Suàn Shù Zhī Suǒ Néng Zhī; Zhū Pú Sà
是 算 數 之 所 能 知; 諸 菩 薩
thị toán số chi sở năng tri; chư Bồ Tát
incalculable and innumerable 。

Zhòng Yì Fù Rú Shì. Shè Lì Fó! Bǐ
眾 亦 復 如 是. 舍 利 弗! 彼
chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ
are also very numerous 。

Fó Guó Tǔ Chéng Jiù Rú Shì Gōng Dé
佛 國 土 成 就 如 是 功 德

Phật quốc độ thành tựu như thị công đức
That Buddha land is complete with these merits and

Zhuāng Yán. Yòu Shè Lì Fó! Jí Lè
莊 嚴. 又 舍 利 弗! 極 樂
trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc
adornments 。 Also Sāriputra 。 In that land of Ultimate

Guó Tǔ, Zhòng Shēng Shēng Zhě, Jiē Shì A Pí
國 土, 眾 生 生 者, 皆 是 阿 鞞
quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ
Bliss, sentient beings born there are all

Bá Zhì, Qí Zhōng Duō Yǒu Yí Shēng Bǔ Chǔ,
跋 致, 其 中 多 有 一 生 補 處,
Bạt Trí, kỳ trung đa hữu nhất sanh bổ xứ,
Non-Retrogression 。 Among them, there are many Once-More-

Qí Shù Shèn Duō, Fēi Shì Suàn Shù, Suǒ Néng Zhī
其 數 甚 多, 非 是 算 數, 所 能 知
kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri
Rebirth 。 These are very numerous 。 incalculable and innumerable .

Zhī, Dàn Kě Yǐ Wú Liàng Wú Biān A Sēng Qí
之, 但 可 以 無 量 無 邊 阿 僧 祇
chì, đản khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ
It is only possible to use infinite boundless incalculable eons to

Shuō. Shè Lì Fó! Zhòng Shēng Wén Zhě,
說. 舍 利 弗! 眾 生 聞 者,
thuyết. Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả,
speak. Sāriputra. sentient beings who listen to this Sutra.

Yīng Dāng Fā Yuàn, Yuàn Shēng Bǐ Guó.
應 當 發 願 願 生 彼 國.
ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.
should vow to be reborn in that land.

Suǒ Yǐ Zhě Hé? Dé Yǔ Rú Shì Zhū Shàng
所 以 者 何? 得 與 如 是 諸 上
Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng
Why so? . Because they will be together with Beings with Superior

Shàn Rén Jū Huì Yí Chǔ. Shè Lì Fó!
善 人 俱 會 一 處. 舍 利 弗!
thiện nhân câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phát!
Goodness in one place. Sāriputra.

Bù Kě Yǐ Shǎo Shàn Gēn Fú Dé Yīn
不 可 以 少 善 根 福 德 因
Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân
It is impossible to use a few good roots, blessings, virtues, causes and

Yuán Dé Shēng Bǐ Guó. Shè Lì Fó! Ruò
緣 得 生 彼 國. 舍 利 弗! 若
duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phát! Nhược
conditions to be born in that land. Sāriputra.

Yǒu Shàn Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shuō
有 善 男 子, 善 女 人, 聞 說
hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết
If good men and good women 。 hear of

A Mí Tuó Fó, Zhí Chí Míng Hào:

阿 彌 陀 佛 執 持 名 號:

A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu:

Amitābha Buddha 。 recite his name 。

Ruò Yī Rì, Ruò Èr Rì, Ruò Sān
若 一 日, 若 二 日, 若 三

Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam
for one day 。 or two days 。 or three

Rì, Ruò Sì Rì, Ruò Wǔ Rì, Ruò
日, 若 四 日, 若 五 日, 若
nhất, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược
days 。 or four days 。 or five days 。 or

Liù Rì, Ruò Qī Rì, Yí Xīn Bú Luàn,
六 日, 若 七 日, 一 心 不 亂,
lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn,
six days 。 or seven days 。 single-mindedly and without confusion 。

Qí Rén Lín Mìng Zhōng Shí, A Mí Tuó Fó
其 人 臨 命 終 時, 阿 彌 陀 佛
kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật
at the end of their life 。

Yǔ Zhū Shèng Zhòng, Xiàn Zài Qí Qián; Shì
與 諸 聖 眾, 現 在 其 前; 是
dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền; thị
with all the sages 。 will appear before them 。 When those

Rén Zhōng Shí, Xīn Bù Diān Dào, Jí Dé
人 終 時, 心 不 顛 倒, 即 得
nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc
persons die, their mind will not be in delusions 。 and they will be

Wǎng Shēng A Mí Tuó Fó Jí Lè Guó Tǔ.
往 生 阿 彌 陀 佛 極 樂 國 土.
vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.
immediately reborn in the Amitābha Buddha land of Ultimate Bliss 。

Shè Lì Fó! Wǒ Jiàn Shì Lì, Gù Shuō Cǐ
舍 利 弗! 我 見 是 利 故 說 此
Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cổ thuyết thử
Sāriputra 。

Yán, Ruò Yǒu Zhòng Shēng Wén Shì Shuō
言, 若 有 眾 生 聞 是 說
ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết
words 。

Zhě, Yīng Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ.
者, 應 當 發 願 生 彼 國 土.
giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.
they must vow to be reborn in that land 。

Shè Lì Fó! Rú Wǒ Jīn Zhě, Zàn Tàn
舍 利 弗! 如 我 今 者, 讚 歎
Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán
Sāriputra 。 Like I now praise inconceivable

A Mí Tuó Fó, Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Zhī
阿 彌 陀 佛, 不 可 思 議 功 德 之
A Di Đà Phật, bất khả tư nghị công đức chi
merits and virtues of Amitābha Buddha 。

Lì. Dōng Fāng Yì Yǒu A Chù Pí Fó,
利. 東 方 亦 有 阿 閼 鞞 佛,
lợi. Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật,
In the East direction there exist Akshobhya Buddha 。

Xū Mí Xiàng Fó, Dà Xū Mí Fó, Xū Mí
須 彌 相 佛, 大 須 彌 佛, 須 彌
Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di
Signs of Mount Sumeru Buddha 。

Guāng Fó, Miào Yīn Fó; Rú Shì Děng
光 佛, 妙 音 佛; 如 是 等
Quang Phật, Diệu Âm Phật; như thị đẳng
Light of Mount Sumeru Buddha 。

Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū
恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於 其 國, 出
Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất
and countless other such Buddhas 。

Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān
廣 長 舌 相, 徧 覆 三 千
quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên
signs of wide long tongue 。 that cover three thousands

Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng Shí Yán:
大 千 世 界, 說 誠 實 言:
đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:
great worlds (cosmos) and speak the following true words 。

“Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng
汝 等 眾 生, 當 信 是 稱
“Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng
All of you sentient beings should believe this Sutra

Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Yí Qiè
讚 不 可 思 議 功 德 一 切
Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết
that is named Praising Inconceivable Merits and Virtues of

Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”. Shè Lì Fó!
諸 佛 所 護 念 經. 舍 利 弗!
Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất!
All Buddhas Who are Mindful of It 。

Nán Fāng Shì Jiè Yǒu Rì Yuè Dēng
南 方 世 界 有 日 月 燈
Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng
In the worlds of the South direction there exist Lamp of Sun and

Fó, Míng Wén Guāng Fó, Dà Yàn Jiān
佛, 名 聞 光 佛, 大 焰 肩
Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diễm Kiên
Moon Buddha 。 Light of Renown Buddha 。 Great Flaming

Fó, Xū Mí Dēng Fó, Wú Liàng Jīng Jìn
佛, 須 彌 燈 佛, 無 量 精 進
Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn
Shoulders Buddha 。 Lamp of Mount Sumeru 。 Buddha Infinite

Fó; Rú Shì Dēng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó,
佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛,
Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật,
Diligence Buddha 。 and countless other such Buddhas 。

Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,
各 於 其 國, 出 廣 長 舌 相,
các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,
All in their own land produce signs of wide long tongue 。

Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說
biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết
that covers three thousands great worlds and speak

Chéng Shí Yán: “Rǔ Dēng Zhòng Shēng, Dāng
誠 實 言: 汝 等 眾 生, 當
thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương
the following true words 。

Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé
信 是 稱 讚 不 可 思 議 功 德
tín thī Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
in this Sutra that is named Praising Inconceivable Merits

Yí Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”
一 切 諸 佛 所 護 念 經.
Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.
and Virtues of all Buddhas Who are Mindful of It .

Shè Lì Fó ! Xī Fāng Shì Jiè Yǒu Wú
舍 利 弗 ! 西 方 世 界 有 無
Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô
Sāriputra 。 In the worlds of the West direction there

Liàng Shòu Fó, Wú Liàng Xiàng Fó, Wú
量 壽 佛, 無 量 相 佛, 無
Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô
exist Amitāyus 。 Infinite Marks Buddha 。 Infinite

Liàng Chuáng Fó, Dà Guāng Fó, Dà
量 幢 佛, 大 光 佛, 大
Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại
Banners Buddha 。 Great Light Buddha 。 Great Clear

Míng Fó, Bǎo Xiàng Fó, Jìng Guāng Fó;
明 佛, 寶 相 佛, 淨 光 佛;
Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật;
Buddha 。 Marks of Reality Buddha 。 Light of Purity Buddha .

Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú
如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於
như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u
and countless other such Buddhas 。 All in their own land produce

Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn
其 國, 出 廣 長 舌 相, 徧
kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến
signs of wide long tongue 。 that covers

Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng
覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠
phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành
three thousands great worlds and speak the following

Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信
thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín
true words 。 All of you sentient beings 。 should believe this

Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé
是 稱 讚 不 可 思 議 功 德
thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
Sutra that is named Praising Inconceivable Merits

Yī Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”.
一 切 諸 佛 所 護 念 經.
Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.
and Virtues of all Mindful Buddhas 。

Shè Lì Fó ! Běi Fāng Shì Jiè Yǒu Yàn
舍 利 弗 ! 北 方 世 界 有 焰
Xá Lợi Phật! Bắc phương thế giới hữu Diễm
Sāriputra 。 In the worlds of the North direction there exist Flaming

Jiān Fó, Zuì Shèng Yīn Fó, Nán Jǔ
肩 佛, 最 勝 音 佛, 難 沮
Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở
Shoulders Buddha 。 Supreme Voice Buddha 。 Unstoppable

Fó, Rì Shēng Fó, Wǎng Míng Fó; Rú
佛, 日 生 佛, 網 明 佛; 如
Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật; như
Buddha 。 Born of the Sun Buddha 。 Netted Light Buddha 。

Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó, Gè Yú Qí
是 等 恆 河 沙 數 諸 佛, 各 於 其
thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ
and countless other such Buddhas 。

Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng, Biàn
國, 出 廣 長 舌 相, 徧
quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biên
signs of wide long tongue that covers

Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō Chéng
覆 三 千 大 千 世 界, 說 誠
phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành
three thousands great worlds and speak the following

Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng, Dāng Xìn
實 言: 汝 等 眾 生, 當 信
thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín
true words 。 All of you sentient beings 。 should believe in this

Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì Gōng Dé
是 稱 讚 不 可 思 議 功 德
thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức
Sutra that is named Praising Inconceivable Merits

Yí Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn Jīng”.
一 切 諸 佛 所 護 念 經.
Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.
and Virtues of all Mindful Buddhas 。

Shè Lì Fó! Xià Fāng Shì Jiè Yǒu Shī Zǐ
舍 利 弗! 下 方 世 界 有 師 子
Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử
Sāriputra 。

Fó, Míng Wén Fó, Míng Guāng Fó,
佛, 名 聞 佛, 名 光 佛,
Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật,
Lion Buddha 。

Dá Mó Fó, Fǎ Chuáng Fó, Chí Fǎ
達 摩 佛, 法 幢 佛, 持 法
Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp
Bodhidharma Buddha 。

Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū Fó,
佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛,
Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật,
Dharma Buddha 。 and countless other such Buddhas 。

Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé Xiàng,
各 於 其 國, 出 廣 長 舌 相,
các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng,
All in their own land produce signs

Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè, Shuō
徧 覆 三 千 大 千 世 界, 說
biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết
of wide long tongue 。

Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng Shēng,
誠 實 言: 汝 等 眾 生,
thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh,
worlds and speak the following true words 。

Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī Yì
當 信 是 稱 讚 不 可 思 議
đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị
sentient beings 。

Gōng Dé Yí Qiè Zhū Fó Suǒ Hù Niàn
功 德 一 切 諸 佛 所 護 念
Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm
Praising Inconceivable Merits and Virtues of all Mindful Buddhas 。

Jīng”. Shè Lì Fó! Shàng Fāng Shì Jiè
經. 舍 利 弗! 上 方 世 界

Kinh”. Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới
Sāriputra 。 In the worlds of the above (zenith) direction, there

Yǒu Fàn Yīn Fó, Sù Wáng Fó, Xiāng
有 梵 音 佛, 宿 王 佛, 香

hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương
exist Pure Voice Buddha 。 Beautiful King Buddha 。 Incense

Shàng Fó, Xiāng Guāng Fó, Dà Yàn
上 佛, 香 光 佛, 大 燄

Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diễm
Fragrance Buddha 。 Fragrant Light Buddha 。 Great Flaming

Jiān Fó, Zá Sè Bǎo Huá Yán Shēn
肩 佛, 雜 色 寶 華 嚴 身

Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân
Shoulders Buddha 。 Colorful and Precious Flower Adornment Body

Fó, Suō Luó Shù Wáng Fó, Bǎo Huá Dé
佛, 娑 羅 樹 王 佛, 寶 華 德

Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức
Buddha 。 Sala Tree King Buddha 。 Precious Flower Virtue

Fó, Jiàn Yī Qiè Yì Fó, Rú Xū Mí
佛, 見 一 切 義 佛, 如 須 彌

Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di
Buddha 。 See All Truths Buddha 。 Like Mount Sumeru

Shān Fó; Rú Shì Děng Héng Hé Shā Shù Zhū
山 佛; 如 是 等 恆 河 沙 數 諸
Sơn Phật; như thị đẳng Hằng hà sa số chư
Buddha 。 and countless other such

Fó, Gè Yú Qí Guó, Chū Guǎng Cháng Shé
佛, 各 於 其 國, 出 廣 長 舌
Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt
Buddhas 。 All in their own land 。 produce signs of wide long

Xiàng, Biàn Fù Sān Qiān Dà Qiān Shì Jiè,
相, 徧 覆 三 千 大 千 世 界,
tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thể giới,
tongue 。 that covers three thousands great worlds(the whole cosmos)

Shuō Chéng Shí Yán: “Rǔ Děng Zhòng
說 誠 實 言: 汝 等 眾
thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng
and speak the following true words 。 All of you sentient

Shēng, Dāng Xìn Shì Chēng Zàn Bù Kě Sī
生, 當 信 是 稱 讚 不 可 思
sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư
beings 。 should believe this Sutra that is named

Yì Gōng Dé Yí Qiè Zhū Fó Suǒ Hù
議 功 德 一 切 諸 佛 所 護
Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ
Praising Inconceivable Merits and Virtues of all Mindful

Niàn Jīng”. Shè Lì Fó! Yú Rǔ Yì Yún Hé?
念 經。 舍 利 弗! 於 汝 意 云 何?
Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! U’ nhữ ý vân hà?
Buddhas 。 Sāriputra 。 What do you think ? 。

Hé Gù Míng Wéi: Yí Qiè Zhū Fó Suǒ Hù
何 故 名 為 一 切 諸 佛 所 護
Hà cổ danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ
Why is it named All Mindful Buddhas

Niàn Jīng? Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Shàn
念 經? 舍 利 弗! 若 有 善
Niệm Kinh? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện
Sutra 。 Sāriputra 。 If good men and good women 。

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Wén Shì Jīng Shòu Chí
男 子, 善 女 人, 聞 是 經 受 持
nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh thọ trì
listen to this Sutra, accept and uphold it 。

Zhě, Jí Wén Zhū Fó Míng Zhě, Shì Zhū Shàn
者, 及 聞 諸 佛 名 者, 是 諸 善
giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện
all Buddhas 。

Nán Zǐ, Shàn Nǚ Rén Jiē Wéi Yí Qiè Zhū
男 子, 善 女 人, 皆 為 一 切 諸
nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư
will be protected and kept in mind by all Buddhas 。

Fó Zhī Suǒ Hù Niàn, Jiē Dé Bú Tuì Zhuǎn
佛 之 所 護 念, 皆 得 不 退 轉
Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển
All will be non-retrogressed from the Supreme and

Yú A Nuò Duō Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí. Shì
於 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩 提. 是
ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị
Perfect Enlightenment 。 For this reason

Gù Shè Lì Fó! Rǔ Děng Jiē Dāng Xìn Shòu
故 舍 利 弗! 汝 等 皆 當 信 受
cố Xá Lợi Phát! Nhữ đẳng giai đương tín thọ
Sāriputra 。 You all should believe and accept my words and those

Wǒ Yǔ, Jí Zhū Fó Suǒ Shuō.
我 語, 及 諸 佛 所 說.
ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.
of other Buddhas 。 Sāriputra 。 if there are persons who had

Shè Lì Fó! Ruò Yǒu Rén Yǐ Fā Yuàn,
舍 利 弗! 若 有 人 已 發 願,
Xá Lợi Phát! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện,
taken a vow 。 or is now taking a vow 。 or will take a vow 。

Jīn Fā Yuàn, Dāng Fā Yuàn, Yù
今 發 願, 當 發 願, 欲
kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục
to be reborn in the land of Amitābha Buddha 。 then such

Shēng A Mí Tuó Fó Guó Zhě, Shì Zhū Rén
生 阿 彌 陀 佛 國 者, 是 諸 人
sinh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân
persons 。 will be non-retrogressed from the Supreme

Děng, Jiē Dé Bú Tuì Zhuǎn Yú A Nuò Duō
等, 皆 得 不 退 轉 於 阿 耨 多
đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa
and Perfect Enlightenment 。 In that land such persons had

Luó Sān Miǎo Sān Pú Tí, Yú Bǐ Guó Tǔ
羅 三 藐 三 菩 提, 於 彼 國 土
La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư bỉ quốc độ
been born 。 or are now being born 。 or will be born 。

Ruò Yǐ Shēng, Ruò Jīn Shēng, Ruò Dāng
若 已 生, 若 今 生, 若 當
nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương
For this reason Sāriputra 。 all good men and good women 。

Shēng. Shì Gù Shè Lì Fó! Zhū Shàn Nán
生. 是 故 舍 利 弗! 諸 善 男
sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam
if they believe 。 must make a vow to be born in that land 。

Zǐ, Shàn Nǚ Rén, Ruò Yǒu Xìn Zhě, Yīng
子, 善 女 人, 若 有 信 者, 應
tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng
Sāriputra 。 I am now praising the inconceivable merits

Dāng Fā Yuàn, Shēng Bǐ Guó Tǔ.

當 發 願, 生 彼 國 土.

đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

and virtues of all Buddhas 。 Those Buddhas 。 are also

Shè Lì Fó! Rú Wǒ Jīn Zhě Chēng Zàn Zhū

舍 利 弗! 如 我 今 者 稱 讚 諸

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả xưng tán chư

praising my inconceivable merits and virtues 。 and they say.

Fó Bù Kě Sī Yì Gōng Dé, Bǐ Zhū Fó

佛 不 可 思 議 功 德, 彼 諸 佛

Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật

Sākyamuni Buddha was capable of completing a

Děng, Yì Chēng Zàn Wǒ Bù Kě Sī Yì Gōng

等, 亦 稱 讚 我 不 可 思 議 功

đẳng, diệt xưng tán ngã bất khả tư nghị công

very difficult and extraordinary task 。 He was capable in the

Dé Ér Zuò Shì Yán: “Shì Jiā Móu Ní

德 而 作 是 言: 釋 迦 牟 尼

đức nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni

age of the five evil corruptions of this Saha world 。 the

Fó Néng Wéi Shèn Nán Xī Yǒu Zhī Shì, Néng Yú

佛 能 為 甚 難 希 有 之 事, 能 於

Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư

corruption of the age 。 the corruption of views 。 the

Suō Pó Guó Tǔ, Wǔ Zhuó È Shì: Jié Zhuó,
娑 婆 國 土 五 濁 惡 世: 劫 濁,
Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước,
corruption of afflictions 。 the corruption of sentient beings。

Jiàn Zhuó, Fán Nǎo Zhuó, Zhòng Shēng Zhuó,
見 濁, 煩 惱 濁, 眾 生 濁,
kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước,
and the corruption of life 。 to attain Supreme and Perfect

Mìng Zhuó Zhōng, Dé A Nuò Duō Luó Sān
命 濁 中, 得 阿 耨 多 羅 三
mạng trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam
Enlightenment 。 Because of all sentient beings 。 he speaks

Miǎo Sān Pú Tí, Wèi Zhū Zhòng Shēng, Shuō
藐 三 菩 提, 為 諸 眾 生, 說
Miệu Tam Bồ Đề, vi chư chúng sanh, thuyết
this Dharma that is difficult to believe by all beings in the

Shì Yí Qiè Shì Jiān Nán Xìn Zhī Fǎ”
是 一 切 世 間 難 信 之 法.
thị nhất thiết thế gian nan tín chi Pháp”
world 。 Sāriputra must know 。 In this age of five evil

Shè Lì Fó! Dāng Zhī Wǒ Yú Wǔ Zhuó È
舍 利 弗! 當 知 我 於 五 濁 惡
Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư ngũ trước ác
corruptions 。 I have accomplished this difficult task 。 by attaining

Shì, Xíng Cǐ Nán Shì Dé A Nuò Duō Luó
世 行 此 難 事 得 阿 耨 多 羅
thế, hành thử nan sự đắc A Nậu Đa La
Supreme and Perfect Enlightenment 。 Because of all beings in the

Sān Miǎo Sān Pú Tí, Wèi Yí Qiè Shì Jiàn
三 藐 三 菩 提, 為 一 切 世 間
Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế gian
world 。 I have spoken this Dharma that is difficult to believe 。

Shuō Cǐ Nán Xìn Zhī Fǎ, Shì Wéi Shèn Nán.
說 此 難 信 之 法, 是 為 甚 難.
thuyết thử nan tín chi Pháp, thị vi thậm nan.
It is a very difficult task ! 。 When Buddha had finished

Fó Shuō Cǐ Jīng Yǐ, Shè Lì Fó Jí Zhū
佛 說 此 經 已, 舍 利 弗 及 諸
Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất cập chư
speaking this Sutra 。 Sāriputra with all Bhikshus 。

Bǐ Qiū, Yí Qiè Shì Jiān, Tiān, Rén,
比 丘, 一 切 世 間, 天, 人,
Tỳ kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân,
all gods, humans and asuras in this world 。

A Xiū Luó Děng, Wén Fó Suǒ Shuō, Huān Xǐ
阿 修 羅 等, 聞 佛 所 說 歡 喜
A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ
what Buddha said, rejoiced, believed and accepted it 。

Xìn Shòu, Zuò Lǐ Ér Qù.

信 受, 作 禮 而 去

tín thọ, tác lễ nhi khứ.

They all bowed in homage and withdrew .

Fó Shuō A Mí Tuó Jīng.

佛 說 阿 彌 陀 經.

Phật thuyết A Di Đà Kinh.

Buddha spoke the Amitabha Sutra.

Bá Yí Qiè Yè Zhàng Gēn Běn Dé
拔 一 切 業 障 根 本 得

Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc

Uproots All Karmic Hindrances For

Shēng Jìng Tǔ Tuó Luó Ní.

生 淨 土 陀 羅 尼

sinh Tịnh Độ đà la ni.

Rebirth In Pure Land

Wǎng Shēng Zhòu

往 生 咒

VÃNG SANH CHÚ

Karmic Hindrances for Rebirth

Ná Mó A Mí Duō Pó Yè, Duō Tā Qié Duō Yè,

南 無 阿 彌 多 婆 夜, 哆 他 伽 多 夜

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ,

Duō Dì Yè Tā, A Mí Lì Du Pó Pí,
哆 地 夜 他, 阿 彌 利 都 婆 毗,
đa địa dạ tha, A di rị đô bà tỳ,

A Mí Lì Duō, Xì Dān Pó Pí, A Mí Lì Duō,
阿 彌 利 哆, 悉 耽 婆 毗, 阿 彌 唎 哆,
A di rị đa, tát đām bà tỳ, A di rị đa,

Pí Jiā Lán Dì, A Mí Lì Duō, Pí Jiā Lán Duō,
毗 迦 蘭 帝, 阿 彌 唎 哆, 毗 迦 蘭 多,
tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa,

Qié Mí Ní, Qié Qié Nà, Zhǐ Duo Jiā Lì.
伽 彌 膩, 伽 伽 那, 枳 多 迦 利.
già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ.

Suō Pó Hē.
娑 婆 訶.
Sa bà ha.

Zàn Fó Jié

讚 佛 偈

TÁN PHẬT KỆ

Praise of Amita Buddha

A Mí Tuó Fó Shēn Jīn Sè. Xiàng Hǎo
阿 彌 陀 佛 身 金 色. 相 好
A Di Đà Phật thân kim sắc. Tướng hảo
Amita Buddha all in golden color. With form features and

Guāng Míng Wú Děng Lún. Bái Háo
光 明 無 等 倫. 白 毫
quang minh vô đẳng luân. Bạch hào
radiance unequalled. White curls winding like the five

Wǎn Zhuǎn Wǔ Xū Mí. Gàn mù Chéng
宛 轉 五 須 彌. 紺 目 澄
uyển chuyển ngũ Tu Di. Cẩm mục trừng
Sumeru Mountains. And pruple eyes clear as the four

Qīng Sì Dà Hǎi. Guāng Zhōng Huà Fó
清 四 大 海. 光 中 化 佛
thanh tứ đại hải. Quang trung hóa Phật
great seas. In his aura are transformed Buddhas in countless

Wú Shù Yì. Huà Pú Sà Zhòng Yì Wú Biān.
無 數 億. 化 菩 薩 眾 亦 無 邊.
vô số ức. Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
millions. And transformed Bodhisattvas also, in limitless

Sì Shí Bā Yuàn Dù Zhòng Shēng. Jiǔ
四 十 八 願 度 眾 生. 九
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh. Cửu
number. Forty-eight vows he made to enlighten sentient beings

Pǐn Xián Lìng Dēng Bǐ Àn. Ná Mó
品 咸 令 登 彼 岸. 南 無
phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. Nam mô
and to enable all nine grades to reach the other shore. Homage

Xī Fāng Jí Lè Shì Jiè. Dà Cí Dà
西 方 極 樂 世 界. 大 慈 大
Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Đại từ đại
to the Most Compassionate One of the Western Paradise,

Bēi A Mí Tuó Fó.
悲 阿 彌 陀 佛
bì A Di Đà Phật.
Amita Buddha.

Ná Mó A Mí Tuó Fó.... A Mí Tuó Fó.
南 無 阿 彌 陀 佛... 阿 彌 陀 佛
Nam mô A Di Đà Phật..... A Di Đà Phật.
Homage to Amita Buddha.

Huì Xiàng Jié
迴 向 偈
HÒI HƯỚNG KỆ
Parinamana Gatha

Yuàn Shēng Xī Fāng Jìng Tǔ Zhōng.
願 生 西 方 淨 土 中
Nguyện sanh Tây phương tịnh độ trung.
We wish to be born in the Western Pure Land.

Jiǔ Pǐn Lián Huá Wéi Fù Mǔ.
九 品 蓮 華 為 父 母
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.
With lotus blossoms, in nine stages, as parents.

Huā Kāi Jiàn Fó Wù Wú Shēng.

花 開 見 佛 悟 無 生

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.

When the lotus blossoms fully, we shall see the Buddha
and be enlightened to the absolute truth.

Bú Tuì Pú Sà Wéi Bàn Lǚ.

不 退 菩 薩 為 伴 侶

Bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ.

Will never retrogressive Bodhisattvas as companions.

Chēng Shèng Hào

稱 聖 號

XÜNG THÁNH HIỆU

Invocation

Ná Mó Guān Shì Yīn Pú Sà
南 無 觀 世 音 菩 薩

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Homage to Avalokitesvara Bodhisattva.

Ná Mó Dà Shì Zhì Pú Sà
南 無 大 勢 至 菩 薩

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát

Homage to Mahasthamaprapta Bodhisattva.

Ná Mó Qīng Jīng Dà Hǎi Zhòng Pú Sà
南 無 清 淨 大 海 眾 菩 薩

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát

Homage to all Bodhisattvas in the great pure congregation.

Pú Xián Pú Sà Shí Dà Yuàn

普賢菩薩十大願

PHỔ HIỀN BỒ TÁT THẬP ĐẠI NGUYỆN

Samantabhadra Bodhisattva's Ten Grand Vows

Yí Zhě Lǐ Jìng Zhū Fó

一者禮敬諸佛

Nhất giả lễ kính chư Phật.

Firstly, make obeisance to all Buddhas.

Èr Zhě Chēng Zàn Rú Lái

二者稱讚如來

Nhị giả xưng tán Như Lai.

Secondly, praise Tathagatas.

Sān Zhě Guǎng Xiū Gòng Yǎng

三者廣修供養

Tam giả quảng tu cúng dường.

Thirdly, proffer abundant oblations.

Sì Zhě Chàn Huǐ Yè Zhàng

四者懺除業障

Tứ giả sám hối nghiệp chướng.

Fourthly, repent evil deeds.

Wǔ Zhě Suí Xǐ Gōng Dé

五者隨喜功德

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

Fifthly, acquiesce gladly in others' merits and virtues.

Liù Zhě Qǐng Zhuǎn Fǎ Lún
六 者 請 轉 法 輪

Lục giả thỉnh chuyển Pháp Luân.

Sixthly, entreat for the turning of Dharma Wheels.

Qī Zhě Qǐng Fó Zhù Shì
七 者 請 佛 住 世

Thất giả thỉnh Phật trụ thế.

Seventhly, pray for Buddhas to stay in the world.

Bā Zhě Cháng Suí Fó Xué
八 者 常 隨 佛 學

Bát giả thường tùy Phật học.

Eighthly, always follow and learn from the Buddhas.

Jiǔ Zhě Héng Shùn Zhòng Shēng
九 者 恒 順 眾 生

Cửu giả hằng thuận chúng sanh.

Ninthly, always gratify all sentient beings.

Shí Zhě Pǔ Jiē Huí Xiàng
十 者 普 皆 迴 向

Thập giả phổ giai hồi hướng.

Tenthly, make a universal dedication.

Shí Fāng Sān Shì Yí Qiè Fó
十 方 三 世 一 切 佛

Thập phương tam thế nhất thiết Phật

To all Buddhas in all places and at all times.

Yí Qiè Pú Sà Mó Hē Sà
一 切 菩 薩 摩 訶 薩
Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát
And all Bodhisattvas Mahasattvas.

Mó Hē Bān Ruò Bō Luó Mì
摩 訶 般 若 波 羅 蜜
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật
Mahaprajnaparamita.

Sān Guī Yī
三 皈 依
TAM QUY Y
Three Refuges

Zì Guī Yī Fó, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 佛, 當 願 眾 生,
Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,
I take refuges in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ Jiě Dà Dào, Fā Wú Shàng Xīn.
體 解 大 道, 發 無 上 心.
thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.
to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì Guī Yī Fǎ, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 法, 當 願 眾 生,
Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,
I take refuges in Dharma, wishing all sentient beings to penetrate

Shēn Rù Jīng Zàng, Zhì Huì Rú Hǎi.
深 入 經 藏, 智 慧 如 海.

thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

the Sutra Pitaka, with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì Guī Yī Sēng, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 僧, 當 願 眾 生,

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,

I take refuges the Sangha, wishing all sentient beings

Tōng Lǐ Dà Zhòng, Yí Qiè Wú Ài.
統 理 大 眾, 一 切 無 礙.

thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction.

Hé Nán Shèng Zhòng.
和 南 聖 眾.

Hòa Nam Thánh Chúng.

Whatsoever and to respect the sacred Sangha.

Huí Xiàng Jié

迴 向 偈

HÒI HUỚNG KỆ

Parinamana Gatha

Yuàn Yǐ Cǐ Gōng Dé,
願 以 此 功 德,

Nguyện dĩ thử công đức,

May the merits and virtues accrued in this work,

Zhuāng Yán Fó Jìng Tǔ.

莊嚴佛淨土。

Trang nghiêm Phật tịnh độ.

Adorn the Amitabha Buddha's Pure Land.

Shàng Bào Sì Chóng Ēn,

上報四重恩，

Thượng báo tứ trọng ân,

Repay the four great kindnesses above,

Xià Jì Sān Tú Kǔ.

下濟三途苦。

Hạ tế tam đồ khổ.

And relieve the suffering of those on the three paths below.

Ruò Yǒu Jiàn Wén Zhě,

若有見聞者，

Nhược hữu kiến văn giả,

May those who see or hear of these,

Xī Fā Pú Tí Xīn.

悉發菩提心。

Tức phát Bồ Đề tâm.

Efforts generate Bodhi-mind.

Jìn Cǐ Yí Bào Shēn,

盡此一報身，

Tận thử nhất báo thân,

Spend their lives devoted to the Buddha Dharma,

Tóng Shēng Jí Lè Guó.

同 生 極 樂 國.

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

And finally be reborn together in the Land of Ultimate Bliss.

Sòng Niàn Yí Guī

儀規誦念

TỤNG NIỆM NGHI QUY

The Buddhist Liturgy

Chēng Shèng Hào

稱 聖 號

XÜNG THÁNH HIỆU

Invocation

Ná	Mó	Guān	Shì	Yīn	Pú	Sà
南	無	觀	世	音	菩	薩
Nam	Mô	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát

Homage to Avalokitesvara Bodhisattva.

Ná	Mó	Dà	Shì	Zhì	Pú	Sà
南	無	大	勢	至	菩	薩
Nam	Mô	Đại	Thế	Chí	Bồ	Tát

Homage to Mahasthamaprapta Bodhisattva.

Ná	Mó	Qīng	Jìng	Dà	Hǎi	Zhòng	Pú	Sà
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát

Homage to all Bodhisattvas in the great pure congregation.

(Quỳ tụng mỗi câu 3 lần, tâm tưởng niệm Phật)
(Recite 3 times each of the following, kneeling in meditation)

Cí Yún Chàn Zhǔ Jìng Tǔ Wén

慈 雲 懺 主 淨 土 文

TÙ VÂN SÁM CHỦ TỊNH ĐỘ VĂN

Prayer By Ci Yun Chan Zhu

Yí Xīn Guī Mìng, Jí Lè Shì Jiè, A
一 心 皈 命, 極 樂 世 界, 阿
Nhất tâm quy mạng, Cực Lạc Thế Giới, A
Wholeheartedly we take refuge in Amita Buddha of the Western

Mí Tuó Fó. Yuàn Yǐ Jìng Guāng Zhào Wǒ,
彌 陀 佛. 願 以 淨 光 照 我,
Di Đà Phật. Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã,
Paradise. May his pure light shine upon us, and his kind vows accept

Cí Shì Shè Wǒ. Wǒ Jīn Zhèng Niàn, Chēng
慈 誓 攝 我. 我 今 正 念, 稱
từ thị tiếp ngã. Ngã kim chánh niệm, xưng
us. We are now mindful, and invoke Tathagata's name; Aiming at

Rú Lái Míng, Wèi Pú Tí Dào Qiú Shēng Jìng
如 來 名, 為 菩 薩 道 求 生 淨
Như Lai danh, vi Bồ Đề Đạo cầu sanh Tịnh
Bodhi, We seek rebirth into the Pure Land. The Buddha made his own

Tǔ. Fó Xī Běn Shì, Ruò Yǒu Zhòng Shēng
土. 佛 昔 本 誓, 若 有 眾 生
Độ. Phật tích bản thệ, nhược hữu chúng sanh
vow that if any sentient being who might wish to be reborn in his

Yù Shēng Wǒ Guó, Zhì Xīn Xìn Yào, Nǎi Zhì
欲 生 我 國, 志 心 信 樂, 乃 至
dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí
land, with determination and faith or with even only ten invocations,

Shí Niàn, Ruò Bù Shēng Zhě, Bù Qǔ Zhèng
十 念, 若 不 生 者, 不 取 正
thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh
should yet fail to be reborn there, he would not have attained Supreme

Jué. Yǐ Cǐ Niàn Fó Yīn Yuán, Dé Rù
覺. 以 此 念 佛 因 緣, 得 入
Giác. Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập
Enlightenment. By virtue of this mindfulness of Buddha, we may enter

Rú Lái, Dà Shì Hǎi Zhōng, Chéng Fó Cí Lì,
如 來, 大 誓 海 中, 承 佛 慈 力,
Như Lai, đại thệ hải trung, thừa Phật từ lực,
Tathagata's, great ocean of vows. By the Buddha's mercy, may all

Zhòng Zuì Xiāo Miè, Shàn Gēn Zēng Zhǎng.
眾 罪 消 滅, 善 根 增 長.
chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.
iniquities be eradicated and good roots increased. At the approach of

Ruò Lín Mìng Zhōng, Zì Zhī Shí Zhì, Shēn
若 臨 命 終, 自 知 時 至, 身
Nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí, thân
life's end, may we know that time is up. May the body suffer no ills,

Wú Bìng Kǔ, Xīn Bù Tān Liàn, Yì Bù Diān
無 病 苦, 心 不 貪 戀, 意 不 顛
vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên
the mind harbor no attachments, and the senses yield no confusions.

Dào, Rú Rù Chán Dìng, Fó Jí Shèng
倒, 如 入 禪 定, 佛 及 聖
đạo, như nhập thiền định, Phật cập thánh
As in Dhyana serenity. Buddha and the holy ones, carrying the plat-

Zhòng, Shǒu Zhí Jīn Tái, Lái Yíng Jiē Wǒ,
眾, 手 執 金 臺, 來 迎 接 我,
chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã,
form of gold, come to meet us, that we may, in a split second, be

Yú Yí Niàn Qǐng, Shēng Jí Lè Guó.
於 一 念 頃, 生 極 樂 國.
ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc Quốc.
reborn in Paradise. We, as the lotus unfolds, see Buddha,

Huā Kāi Jiàn Fó, Jí Wén Fó Shèng, Dùn
花 開 見 佛, 即 聞 佛 乘, 頓
Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đôn
at once hear the Buddha Vehicle, suddenly penetrate Buddha's

Kāi Fó Huì, Guǎng Dù Zhòng Shēng, Mǎn Pú
開 佛 慧, 廣 度 眾 生, 滿 菩
khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ
wisdom. And deliver all sentient beings. In fulfillment at

Tí Yuàn.

提 願.

Đề nguyện.

Bodhi wishes.

Shí Fāng Sān Shì Yí Qiè Fó
十 方 三 世 一 切 佛

Thập phương tam thế nhất thiết Phật

Buddhas in all places at all times

Yí Qiè Pú Sà Mó Hē Sà
一 切 菩 薩 摩 訶 薩

Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát

Bodhisattvas, Mahasattvas

Mó Hē Bān Ruò Buō Luó Mì
摩 訶 般 若 波 羅 密

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật

Mahaprajnaparamita

Xián Pú Sà Jǐng Zhòng Jié

賢 菩 薩 警 眾 偈

PHỔ HIỀN BỒ TÁT CẢNH CHÚNG KỆ

Samantabhadra's Admonition

Shì Rì Yǐ Guò, Mìng Yì Suí Jiǎn;
是 日 已 過, 命 亦 隨 減;

Thị nhật dĩ quá, mạng diệt tùy giảm;

The day is done, and life dwindles accordingly

Rú Shǎo Shuǐ Yú, Sī Yǒu Hé Lè?
如 少 水 魚, 斯 有 何 樂?

Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc?

Like fish with little water, what joy is here?

Dāng Qín Jīng Jìn, Rú Jiù Tóu Rán;
當 勤 精 進, 如 救 頭 燃;

Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên;

Endeavor for good progress, as if to fight a burning on one's own head

Dàn Niàn Wú Cháng, Shèn Wù Fàng Yì!
但 念 無 常, 慎 勿 放 逸!

Đản niệm vô thường, thậm vật phóng dật!

Just keep impermanence in mind and guard against looseness

Sān Guī Yī

三 皈 依

TAM QUY Y

Three Refuges

Zì Guī Yī Fó, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 佛, 當 願 眾 生,

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,

I take refuges in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ Jiè Dà Dào, Fā Wú Shàng Xīn.
體 解 大 道, 發 無 上 心.

thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì Guī Yī Fǎ, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 法, 當 願 眾 生,

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,
I take refuges in Dharma, wishing all sentient beings to penetrate

Shēn Rù Jīng Zàng, Zhì Huì Rú Hǎi.
深 入 經 藏, 智 慧 如 海.

thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.
the Sutra Pitaka, with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì Guī Yī Sēng, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 僧, 當 願 眾 生,

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,
I take refuges the Sangha, wishing all sentient beings

Tōng Lǐ Dà Zhòng, Yí Qiè Wú Ài.
統 理 大 眾, 一 切 無 礙.

thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.
to harmonize multitudes in general without any obstruction

Hé Nán Shèng Zhòng.
和 南 聖 眾.

Hòa Nam Thánh Chúng.
Whatsoever and to respect the sacred Sangha.

Huì Xiàng Jié

迴向偈

HÒI HUỚNG KỆ

Parinamana Gatha

Yuàn Yǐ Cǐ Gōng Dé,

願 以 此 功 德,

Nguyện dĩ thử công đức,

May the merits and virtues accrued in this work

Zhuāng Yán Fó Jìng Tǔ.

莊 嚴 佛 淨 土.

Trang nghiêm Phật Tịnh Độ.

Adorn the Amitabha Buddha's Pure Land.

Shàng Bào Sì Chóng Ēn,

上 報 四 重 恩,

Thượng báo tứ trọng ân,

Repay the four great kindnesses above,

Xià Jì Sān Tú Kǔ.

下 濟 三 途 苦.

Hạ tế tam đồ khổ.

And relieve the suffering of those on the three paths below.

Ruò Yǒu Jiàn Wén Zhě,

若 有 見 聞 者,

Nhược hữu kiến văn giả,

May those who see or hear of these

Xī Fā Pú Tí Xīn.

悉 發 菩 提 心.

Tức phát Bồ Đề tâm.

efforts generate Bodhi-mind.

Jìn Cǐ Yí Bào Shēn,

盡 此 一 報 身,

Tận thử nhất báo thân,

Spend their lives devoted to the Buddha Dharma,

Tóng Shēng Jí Lè Guó.

同 生 極 樂 國.

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

And finally be reborn together in the Land of Ultimate Bliss.

Fó Qī Yuán Mǎn
佛 七 圓 滿
PHẬT THẮT VIÊN MÃN
Liturgy for the Final Day
of Seven-Day Retreat

Dà Huí Xiàng
大 回 向
ĐẠI HỒI HUỚNG
Grand Parinamana

Dì Zǐ Zhòng Děng, Xiàn Shì Shēng Sǐ Fán
弟 子 眾 等, 現 是 生 死 凡
Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm
We, the disciples, are at present plain mortals

Fū. Zuì Zhàng Shēn Zhòng, Lún Huí Liù
夫. 罪 障 深 重, 輪 迴 六
phu. Tội chương thâm trọng, luân hồi lục
Deeply burdened with sins, thranmigrating the six Paths of

Dào, Kǔ Bù Kě Yán. Jīn Yù Zhī Shì,
道, 苦 不 可 言. 今 遇 知 識,
đạo, khổ bất khả ngôn. Kim ngộ tri thức,
existence with suffering beyond words. Now we find friends

Dé Wén Mí Tuó Míng Hào. Běn Yuàn Gōng
得 聞 彌 陀 名 號, 本 願 功
đắc văn Di Đà danh hiệu, bản nguyện công
and hear the name of Amita Buddha with his original vows

Dé. Yí Xīn Chēng Niàn, Qiú Yuàn Wǎng
德, 一 心 稱 念, 求 願 往
đức. Nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng
and virtues, which we wholeheartedly invoke, praying to be

Shēng. Yuàn Fó Cí Bēi Bù Shě, Ai Lián
生. 願 佛 慈 悲 不 捨, 哀 憐
sanh. Nguyên Phật từ bi bất xả, ai lân
reborn in Pure Land. May Buddha in compassion not forsake

Shè Shòu. Dì Zǐ Zhòng Děng, Bú Shì Fó
攝 受. 弟 子 眾 等, 不 識 佛
nhiep thọ. Đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật
us, but pity and accept us. We, the disciples, do not recognize

Shēn. Xiàng Hǎo Guāng Míng, Yuàn Fó
身, 相 好 光 明, 願 佛
thân. Tướng hảo quang minh, nguyện Phật
Buddha's being, form, features, and radiance. May Buddha

Shì Xiàn. Lìng Wǒ Dé Jiàn, Jí Jiàn Guān
示 現, 令 我 得 見, 及 見 觀
thị hiện. Lệnh ngã đắc kiến, cập kiến Quán
manifest them to us. May we be able to behold them and see

Yīn Shì Zhì. Zhū Pú Sà Zhòng, Bǐ Shì Jiè
音 勢 至. 諸 菩 薩 眾, 彼 世 界
Âm Thế Chí. Chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới
Avalokitesvara, Mahasthamaprapta other Bodhisattvas and all

Zhōng. Qīng Jìng Zhuāng Yán, Guāng
中, 清 淨 莊 嚴, 光
trung. Thanh tịnh trang nghiêm, quang
pertaining to that world, such as purity, grandeur, glory,

Míng Miào Xiàng Děng. Líng Wǒ Liǎo Liǎo,
明 妙 相 等. 令 我 了 了,
minh diệu tướng đẳng. Lệnh ngã liễu liễu,
radiance, brilliance and wonder. May we be able to see

Dé Jiàn A Mí Tuó Fó.
得 見 阿 彌 陀 佛.
đắc kiến A Di Đà Phật.
clearly Amita Buddha.

Ná Mó A Mí Tuó Fó
南 無 阿 彌 陀 佛
Nam Mô A Di Đà Phật
Homage to Amita Buddha

Ná Mó Guān Shì Yīn Pú Sà
南 無 觀 世 音 菩 薩
Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Homage to Bodhisattva Avalokitesvara

Ná Mó Dà Shì Zhì Pú Sà
南 無 大 勢 至 菩 薩
Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Homage to Bodhisattva Mahasthamaprapta

Ná Mó Qīng Jìng Dà Hǎi Zhòng Pú Sà
南 無 清 淨 大 海 眾 菩 薩
Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation

Jiē Yǐn Yuàn

接引願

TIẾP DẪN NGUYỆN

Wish Chant

Yuàn Wǒ Lín Zhōng Wú Zhàng Ài,
願 我 臨 終 無 障 礙,

Nguyện ngã lâm chung vô chướng ngại,

I wish that I may meet the end of life without impediments,

A Mí Tuó Fó Yuǎn Xiāng Yíng.

阿 彌 陀 佛 遠 相 迎.

A Di Đà Phật viễn tương nghinh.

May Amita Buddha come from a far to receive.

Guān Yīn Gān Lù Sǎ Wú Tó,

觀 音 甘 露 灑 吾 頭,

Quán Âm cam lộ sái ngô thủ,

May Avalokitesvara's Amrta be sprinkled on my head,

Shì Zhì Jīn Tái An Wǒ Zú.

勢 至 金 臺 安 我 足.

Thế Chí kim đài an ngã túc.

and Mahasthamaprapta's gold platform be set.

Yí Chà Nà Zhōng Lí Wǔ Zhuó,

一 剎 那 中 離 五 濁,

Nhất sát na trung ly ngũ trược,

In a wink I shall leave the world with its five kinds of pollution

Qū Shēng Bì Qǐng Dào Lián Chí.
屈 身 臂 頃 到 蓮 池。

Khuất thân tí khoảnh đáo liên trì.

In a flash I shall reach the Lotus Pond.

Lián Huā Kāi Hòu Jiàn Cí Zūn,
蓮 花 開 後 見 慈 尊，

Liên hoa khai hậu kiến từ tôn,

After the lotus blooms fully I shall see the Kind Honored One,

Qīn Tīng Fǎ Yīn Kě Liǎo Liǎo.
親 聽 法 音 可 了 了。

Thân thính Pháp âm khả liễu liễu.

And in person listen to and hear his voice, indeed, clearly.

Wén Yǐ Jí Wú Wú Shēng Rěn,
聞 已 即 悟 無 生 忍，

Văn dĩ tức ngộ vô sanh nhẫn,

Having heard him I shall rest in the belief beyond Rebirth

Bù Wéi An Yǎng Rù Suō Pó.
不 違 安 養 入 娑 婆，

Bất vi an dưỡng nhập Sa Bà,

Without abandoning Paradise I may re-enter the Saha worlds.

Shàn Zhī Fāng Biàn Dù Zhòng Shēng,
善 知 方 便 度 眾 生，

Thiện tri phương tiện độ chúng sanh,

Well versed in those expedencies to enlighten sentient beings

Qiǎo Bǎ Chéng Láo Wèi Fó Shì.

巧 把 塵 勞 為 佛 事.

Xảo bả trần lao vi Phật sự.

And adroitly to convert earthly toils to Buddhist services.

Wǒ Yuàn Rú Sī Fó Zì Zhī,

我 願 如 斯 佛 自 知,

Ngã nguyện như tư Phật tự tri,

My wishes, as above, are, of course, known Buddha,

Bì Jìng Dāng Lái Dé Chéng Jiù.

畢 竟 當 來 得 成 就.

Tất cánh đương lai đắc thành tựu.

And will finally, in the future, be realized.

Shí Dǐng Lǐ

十 頂 禮

THẬP ĐÁNH LỄ

Concluding Worship

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Hóng Yáng Jìng Lè

一 心 頂 禮. 宏 揚 淨 樂

***Nhất tâm đánh lễ. Hoảng dương Tịnh Lạc**

Wholeheartedly we honor. The one who preached the Pure PaRadise,

Tǔ, Shì Jiā Fó Rú Lái. Qiān Bǎi Yì

土, 釋 迦 佛 如 來. 千 百 億

Độ, Thích Ca Phật Như Lai. Thiên bách ức

Sakyamuni Tathagata. With thousands, millions of

Huà Shēn, Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.
化 身, 徧 法 界 諸 佛.

hóa thân, biến Pháp Giới chư Phật.

Nirmanakayas, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Cháng Jí Guāng Jìng
一 心 頂 禮. 常 寂 光 淨

***Nhất tâm đảnh lễ. Thường Tịch Quang Tịnh**

Wholeheartedly we honor. Amita Tathagata of the Pure Land

Tǔ, A Mí Tuó Rú Lái. Qīng Jìng Miào Fǎ
土, 阿 彌 陀 如 來. 清 淨 妙 法

Độ, A Di Đà Như Lai. Thanh tịnh diệu Pháp

of Permanent Peace and Glory with pure and excellent

Shēn, Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.
身, 徧 法 界 諸 佛.

Thân, biến Pháp Giới chư Phật.

Dharmakaya and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Shí Bào Zhuāng Yán
一 心 頂 禮. 實 報 莊 嚴

***Nhất tâm đảnh lễ. Thực Báo Trang Nghiêm**

Wholeheartedly we honor. Amita Tathagata of the Glorious

Tǔ, A Mí Tuó Rú Lái. Wēi Chén Xiàng Hǎi
土, 阿 彌 陀 如 來. 微 塵 相 海

Độ, A Di Đà Như Lai. Vi trần tướng hải

Land of Real Reward, whose great beings manifests as tiniest

Shēn, Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.
身, 徧 法 界 諸 佛.
thân, biến Pháp Giới chư Phật.
notes, and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Fāng Biàn Shèng Jū
一 心 頂 禮. 方 便 聖 居
***Nhất tâm đánh lễ. Phương Tiện Thánh Cư**
Wholeheartedly we honor. Amita Tathagata of the Expedient

Tǔ, A Mí Tuó Rú Lái. Jiě Tuō Xiàng
土, 阿 彌 陀 如 來. 解 脫 相
Độ, A Di Đà Như Lai. Giải thoát tướng
Land dwelt in by the saints, whose glorious beings manifests in

Yán Shēn, Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.
嚴 身, 徧 法 界 諸 佛.
nghiêm thân, biến Pháp Giới chư Phật.
the form of liberation, all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng An Lè Tǔ,
一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,
***Nhất tâm đánh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**
Wholeheartedly we honor. Amita Tathagata of the Western Pa-

A Mí Tuó Rú Lái. Dà Shèng Gēn Jiè Shēn,
阿 彌 陀 如 來. 大 乘 根 界 身,
A Di Đà Như Lai. Đại Thừa căn giới thân,
radise with entity rooted in the Mahayana realm, and all

Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.

遍 法 界 諸 佛.

biến Pháp Giới chư Phật.

Buddhas throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng Ān Lè Tǔ,

一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,

***Nhất tâm đảnh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**

Wholeheartedly we honor. Amita Tathagata of the Western

A Mí Tuó Rú Lái. Shí Fāng Huà Wǎng

阿 彌 陀 如 來. 十 方 化 往

A Di Đà Như Lai. Thập phương hóa vãng

Paradise who manifests himself in all places and all Buddhas

Shēng, Biàn Fǎ Jiè Zhū Fó.

生, 徧 法 界 諸 佛.

sanh, biến Pháp Giới chư Phật.

throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng Ān Lè Tǔ,

一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,

***Nhất tâm đảnh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**

Wholeheartedly we honor. Avalokitesvara Bodhisattva of the

Jiào Xíng Lǐ Sān Jīng. Jí Yī Zhèng Xuān

教 行 理 三 經. 及 依 正 宣

giáo hạnh lý tam kinh. Cập y chánh tuyên

triad of Preaching, Practice and Principle, and the revered

Yáng, Biàn Fǎ Jiè Zūn Fǎ.

揚, 徧 法 界 尊 法.

dương, biến Pháp Giới Tôn Pháp.

Dharma, as expounded both indirectly and directly.

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng Ān Lè Tǔ,

一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,

***Nhất tâm đảnh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**

Wholeheartedly we honor. Avalokitesvara Bodhisattva of the

Guān Shì Yīn Pú Sà. Wàn Yì Zǐ Jīn Shēn,

觀 世 音 菩 薩. 萬 億 紫 金 身,

Quán Thế Âm Bồ Tát. Vạn ức tử kim thân,

Western Paradise with myriads and millions of entities in the

Biàn Fǎ Jiè Pú Sà Mó Hē Sà.

徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩.

biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát.

purple-gold all Bodhisattvas Mahasattvas throughout Dharma

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng Ān Lè Tǔ,

一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,

***Nhất tâm đảnh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**

Wholeheartedly we honor. Mahasthamaprapta Bodhisattva of

Dà Shì Zhì Pú Sà. Wú Biān Guāng Zhì Shēn,

大 勢 至 菩 薩. 徧 邊 光 熾 身,

Đại Thế Chí Bồ Tát. Vô biên quang xī thân,

the Western Paradise, the boundless, radiant, illumined being,

Biàn Fǎ Jiè Pú Sà Mó Hē Sà.
徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩.

biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát.

all Bodhisattvas Mahasattvas throughout Dharmaksetra

Yí Xīn Dǐng Lǐ. Xī Fāng Ān Lè Tǔ,
一 心 頂 禮. 西 方 安 樂 土,

***Nhất tâm đảnh lễ. Tây Phương An Lạc Độ,**

Wholeheartedly we honor. The great pure congregation of the

Qīng Jìng Dà Hǎi Zhòng. Mǎn Fēn Èr
清 淨 大 海 眾. 滿 分 二

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Mãn phân nhị

Western Paradise, beings fully adorned with bliss and wisdom,

Yán Shēn, Biàn Fǎ Jiè Shèng Zhòng.
嚴 身, 徧 法 界 聖 眾.

nghiêm thân, biến Pháp Giới thánh chúng.

and all the saints throughout Dharmaksetra.

Sān Guī Yī

三 皈 依

TAM QUY Y

Three Refuges

Zì Guī Yī Fó, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,
自 皈 依 佛, 當 願 眾 生,

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,

I take refuges in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ Jiě Dà Dào, Fā Wú Shàng Xīn.

體 解 大 道, 發 無 上 心.

thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì Guī Yī Fǎ, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,

自 皈 依 法, 當 願 眾 生,

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,

I take refuges in Dharma, wishing all sentient beings to penetrate

Shēn Rù Jīng Zàng, Zhì Huì Rú Hǎi.

深 入 經 藏, 智 慧 如 海.

thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

the Sutra Pitaka, with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì Guī Yī Sēng, Dāng Yuàn Zhòng Shēng,

自 皈 依 僧, 當 願 眾 生,

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,

I take refuges the Sangha, wishing all sentient beings

Tōng Lǐ Dà Zhòng, Yí Qiè Wú Ài.

統 理 大 眾, 一 切 無 礙.

thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction

Hé Ná Shèng Zhòng.

和 南 聖 眾.

Hòa Nam Thánh Chúng.

Whatsoever and to respect the sacred Sangha.

Xián Pú Sà Jǐng Zhòng Jié

賢菩薩警眾偈

PHỔ HIỀN BỒ TÁT CẢNH CHÚNG KỆ

Samantabhadra's Admonition

Shì Rì Yǐ Guò, Mìng Yì Suí Jiǎn;

是日已過，命亦隨減；

Thị nhật dĩ quá, mạng diệt tùy giảm;

The day is done, and life dwindles accordingly

Rú Shǎo Shuǐ Yú, Sī Yǒu Hé Lè?

如少水魚，斯有何樂？

Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc?

Like fish with little water, what joy is here?

Dāng Qín Jīng Jìn, Rú Jiù Tóu Rán;

當勤精進，如救頭燃；

Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên;

Endeavor for good progress, as if to fight a burning on one's own head

Dàn Niàn Wú Cháng, Shèn Wù Fàng Yì!

但念無常，慎勿放逸！

Đản niệm vô thường, thậm vật phóng dật!

Just keep impermanence in mind and guard against looseness

Fó Qī Yuán Mǎn Rì Lǐ Zǔ

佛 七 圓 滿 日 禮 祖

PHẬT THẤT VIÊN MÃN NHẬT LỄ TỔ

The Final Day of Seven-Day Retreat

Dǐng Lǐ Xī Tiān Dōng Tǔ Lì Dài Zǔ Shī.

頂 禮 西 天 東 土 歷 代 祖 師.

Đảnh lễ Tây Thiên Đông Thổ Lịch Đại Tổ Sư.

We honor the Patriarchs of the West and the East of all Generations.

Dǐng Lǐ Tiān Xià Hóng Yáng Fó Fǎ

頂 禮 天 下 宏 揚 佛 法

Đảnh lễ Thiên Hạ Hoằng Dương Phật Pháp

We honor all the great learned ones in the world who propagate

Zhū Dà Shàn Zhī Shī.

諸 大 善 知 識

chư đại thiện tri thức.

Amidism and spread the teaching.

Dǐng Lǐ Chū Zǔ Lú Shān Dōng Lín Yuǎn Gōng

頂 禮 初 祖 廬 山 東 林 遠 公

Đảnh lễ Sơ Tổ Lữ Sơn Đông Lâm Viễn Công

We honor the first Patriarch Grand Master Hui Yuan of Tong Lin

Dà Shī.

大 師.

Đại Sư.

Temple in Lushan.

Dǐng Lǐ Èr Zǔ Cháng Ān Guāng Míng Dǎo
頂 禮 二 祖 長 安 光 明 導

Đảnh lễ Nhị Tổ Trường An Quang Minh Đạo

We honor the second Patriarch Grand Master Shan Tao of Kuang

Gōng Dà Shī.

公 大 師.

Công Đại Sư.

Ming Temple in Changan.

Dǐng Lǐ Sān Zǔ Nán Yuè Bān Zhōu Yuǎn

頂 禮 三 祖 南 嶽 般 舟 遠

Đảnh lễ Tam Tổ Nam Nhạc Ban Chu Viễn

We honor the third Patriarch Grand Master Cheng Yuan of Po Chou

Gōng Dà Shī.

公 大 師.

Công Đại Sư.

Temple in Nan Yue.

Dǐng Lǐ Sì Zǔ Wǔ Tái Zhú Lín Zhào

頂 禮 四 祖 五 臺 竹 林 照

Đảnh lễ Tứ Tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Chiêu

We honor the fourth Patriarch Grand Master Fa Chao of Chu Lin

Gōng Dà Shī.

公 大 師.

Công Đại Sư.

Temple in Wu Tai.

Dǐng Lǐ Wǔ Zǔ Xīn Dìng Wū Lóng Kāng
頂 禮 五 祖 新 定 烏 龍 康
Đảnh lễ Ngũ Tổ Tân Định Ô Long Khang
We honor the fifth Patriarch Grand Master Shao Kang of Wu Lung

Gōng Dà Shī.
公 大 師.
Công Đại Sư.
Temple in Hsinting.

Dǐng Lǐ Liù Zǔ Háng Zhōu Yǒng Míng Shòu
頂 禮 六 祖 杭 州 永 明 壽
Đảnh lễ Lục Tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Thọ
We honor the sixth Patriarch Grand Master Yen Shou of Yung Ming

Gōng Dà Shī.
公 大 師.
Công Đại Sư.
Temple in Hangchow.

Dǐng Lǐ Qī Zǔ Háng Zhōu Zhāo Qìng
頂 禮 七 祖 杭 州 昭 慶
Đảnh lễ Thất Tổ Hàng Châu Chiêu Khánh
We honor the seventh Patriarch Grand Master Hsing Chang of Chao

Cháng Gōng Dà Shī.
常 公 大 師.
Thường Công Đại Sư.
Ching Temple in Hangchow.

Dǐng Lǐ Bā Zǔ Háng Zhōu Yún Qī Hóng
頂 禮 八 祖 杭 州 雲 棲 宏

Đảnh lễ Bát Tổ Hàng Châu Vân Thê Hoằng

We honor the eighth Patriarch Grand Master Chu Hung of Yun Chi

Gōng Dà Shī.

公 大 師.

Công Đại Sư.

Temple in Hangchow.

Dǐng Lǐ Jiǔ Zǔ Běi Tiān Mù Líng Fēng
頂 禮 九 祖 北 天 目 靈 峰

Đảnh lễ Cửu Tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong

We honor the ninth Patriarch Grand Master Chih Hsiu of Ling Feng

Xù Gōng Dà Shī.

旭 公 大 師.

Húc Công Đại Sư.

Temple in North Tien Mu.

Dǐng Lǐ Shí Zǔ Yú Shān Pǔ Rén Cè
頂 禮 十 祖 虞 山 普 仁 策

Đảnh lễ Thập Tổ Ngu Sơn Phổ Nhân Sách

We honor the tenth Patriarch Grand Master Hsing Tse of Pu Jen

Gōng Dà Shī.

公 大 師.

Công Đại Sư.

Temple in Yu Shan.

Dǐng Lǐ Shí Yí Zǔ Háng Zhōu Fàn
頂 禮 十 一 祖 杭 州 梵

Đảnh lễ Thập Nhất Tổ Hàng Châu Phạm

We honor the eleventh Patriarch Grand Master Shih Hsien of Fan Tien

Tiān Xián Gōng Dà Shī.

天 賢 公 大 師.

Thiên Hiền Công Đại Sư.

Temple in Hangchow.

Dǐng Lǐ Shí Èr Zǔ Hóng Luó Zī Fú
頂 禮 十 二 祖 紅 螺 資 福

Đảnh lễ Thập Nhị Tổ Hồng Loa Tư Phúc

We honor the twelfth Patriarch Grand Master Chi Hsin of Tzu Fu

Xǐng Gōng Dà Shī.

醒 公 大 師.

Tỉnh Công Đại Sư.

Temple in Hung Lo.

Dǐng Lǐ Shí Sān Zǔ Sū Zhōu Líng Yán
頂 禮 十 三 祖 蘇 州 靈 巖

Đảnh lễ Thập Tam Tổ Tô Châu Linh Nham

We honor the thirteenth Patriarch Grand Master Yin Kuang of Ling

Liàng Gōng Dà Shī.

量 公 大 師.

Lượng Công Đại Sư.

Yen Temple in Soochow.

Dǐng Lǐ Gǔ Jīn Lián Shè Zōng Shī.

頂 禮 古 今 蓮 社 宗 師.

Đảnh lễ Cổ Kim Liên Xã Tông Sư.

We honor Amidist Masters of the Past and the Present.

Dǐng Lǐ Zhǔ Qī Hé Shàng.

頂 禮 主 七 和 上

Đảnh lễ Chủ Thất Hòa Thượng.

We honor the Most Reverend Master in charge of the Retreat.

Dài Yuàn Qīn Lǐ Fó

代 怨 親 禮 佛

ĐẠI OÁN THÂN LỄ PHẬT

Worship to Buddha for Past Friends and Foes

Gè Rén Dài Wéi Fù Mǔ Shī Zhǎng Jì

各 人 代 為 父 母 師 長 暨

Các nhân đại vi phụ mẫu sư trưởng ký

Let each of us, for the sake of his parents, teachers, elders and past

Lì Jié Yuàn Shēn. Lǐ Fó Sān Bài, Qiú

歷 劫 怨 親. 禮 佛 三 拜, 求

lịch kiếp oán thân. Lễ Phật tam bái, cầu

friends and foes, worship Buddhas with three prostrations. Pray to be

Shēng Jìng Tǔ.

生 淨 土.

sinh Tịnh Độ.

reborn in the Pure Land.

A Mí Tuó Fó, Qiú Shēng Jìng Tǔ.

阿彌陀佛求 生 淨 土

A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Amita Buddha, pray to be reborn in the Pure Land.

A Mí Tuó Fó, Qiú Shēng Jìng Tǔ.

阿彌陀佛求 生 淨 土

A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Amita Buddha, pray to be reborn in the Pure Land.

A Mí Tuó Fó, Qiú Shēng Jìng Tǔ.

阿彌陀佛求 生 淨 土

A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Amita Buddha, pray to be reborn in the Pure Land.

**Nguyện dĩ thử công đức,
Trang nghiêm Phật tịnh độ.
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả,
Tức phát Bồ Đề tâm.
Tận thử nhất báo thân,
Đồng sanh Cực Lạc quốc.**

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

鳩摩羅什法師
譯

佛說阿彌陀經

佛陀教育基金會
印贈

佛說阿彌陀經

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

如是我聞：一時，佛在舍衛國，祇樹給孤獨園，與大比丘僧千二百五十人俱。皆是大阿羅漢眾所知識。長老舍利弗、摩訶目犍連、摩訶迦葉、摩訶迦旃延、摩訶俱絺羅、離婆多、周利槃陀伽、難陀、阿難陀、羅睺羅、憍梵波提、賓頭盧頗羅墮、迦留陀夷、摩訶劫賓那、薄拘羅、阿菟樓駄，如是等諸大弟子；并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子、阿逸多菩薩、乾陀訶提菩薩、常精進

菩薩，與如是等諸大菩薩，及釋提桓因等無量諸天大眾俱。

爾時，佛告長老舍利弗：「從是西方過十萬億佛土，有世界名曰極樂。其土有佛，號阿彌陀，今現在說法。舍利弗！彼土何故名為極樂？其國眾生無有眾苦，但受諸樂，故名極樂。」

又舍利弗！極樂國土，七重欄楯、七重羅網、七重行樹，皆是四寶周帀圍繞，是故彼國名為極樂。又舍利弗！極樂國土有七寶池，八功德水充滿其中，池底純以

金沙布地。四邊階道，金、銀、琉璃、玻瓈合成。上有樓閣，亦以金、銀、琉璃、玻瓈、碑礫、赤珠、瑪瑙而嚴飾之。池中蓮華大如車輪，青色青光，黃色黃光，赤色赤光，白色白光，微妙香潔。舍利弗！極樂國土成就如是功德莊嚴。

又舍利弗！彼佛國土常作天樂，黃金為地，晝夜六時，雨天曼陀羅華。其土眾生，常以清旦，各以衣祴盛眾妙華供養他方十萬億佛。即以食時還到本國，飯食經行。舍利弗！極樂國土，成就如是功德莊嚴。復次舍利

弗^フ！彼國常有種種奇妙雜色之鳥，白鶴^{ハク}、孔雀^{コウコウ}、鸚鵡^{インモ}、
 舍利^{セリ}、迦陵頻伽^{カラム}、共命之鳥。是諸眾鳥，晝夜六時出和^ワ
 雅音，其音演暢五根、五力、七菩提分、八聖道分如是^ニ
 等法。其土眾生聞是音已，皆悉念佛、念法、念僧。舍^セ
 利弗^{リフ}！汝勿謂：此鳥實是罪報所生。所以者何？彼佛國^ニ
 土無三惡道。舍利弗^{リフ}！其佛國土尚無惡道之名，何況有^ニ
 實？是諸眾鳥皆是阿彌陀佛，欲令法音宣流變化所作。
 舍利弗^{リフ}！彼佛國土，微風吹動諸寶行樹及寶羅網，出微^ニ
 妙音，譬如百千種樂同時俱作。聞是音者，自然皆生念^ニ

佛念法念僧之心。舍利弗！其佛國土成就如是功德莊嚴。

舍利弗！於汝意云何？彼佛何故號阿彌陀？舍利弗！彼佛光明無量，照十方國無所障礙，是故號為阿彌陀。又舍利弗！彼佛壽命及其人民，無量無邊阿僧祇劫，故名阿彌陀。舍利弗！阿彌陀佛成佛已來，於十劫。又舍利弗！彼佛有無量無邊聲聞弟子，皆阿羅漢，非是算數之所能知。諸菩薩眾亦復如是。舍利弗！彼佛國土，成就如是功德莊嚴。

又舍利弗^{セツ}！極樂國土^{かくとく}眾生生者，皆是阿鞞跋致^{あむぎはつし}。其中多有一生補處^{いつしんぷと}，其數甚多，非是算數所能知之，但可以無量無邊阿僧祇^{あむぎふ}說。舍利弗^{セツ}！眾生聞者，應當發願，願生彼國。所以者何？得與如是諸上善人俱會^{くわい}一處。舍利弗^{セツ}！不可以少善根福德因緣^{いんげん}，得生彼國。舍利弗^{セツ}！若有善男子、善女人聞說阿彌陀佛，執持^{しつし}名號，若一日、若二日、若三日、若四日、若五日、若六日、若七日，一心不亂，其人臨命終時，阿彌陀佛與諸聖眾^{じやうしゆ}，現在其前。是人終時，心不顛倒^{てんたう}，即得往生阿彌陀佛極樂國土^{かくとく}。

舍利弗^{セリブ}！我見是利，故說此言。若有眾生聞是說者，應^{オモ}當發願生彼國土。

舍利弗^{セリブ}！如我今者，讚歎^{ツハカ}阿彌陀佛不可思議功德之利：東方亦有阿閼鞞^{アハツキ}佛、須彌相佛^{スミソウ}、大須彌佛、須彌光佛、妙音佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌相^{コウゲツ}，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』舍利弗^{セリブ}！南方世界有日月燈佛、名聞光佛、大燄肩佛^{オウケン}、須彌燈佛、無量精進佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌

相，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』舍利弗！西方世界有無量壽佛、無量相佛、無量幢佛、大光佛、大明佛、寶相佛、淨光佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌相，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』舍利弗！北方世界有燄肩佛、最勝音佛、難沮佛、日生佛、網明佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌相，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，

當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』舍利弗！下方世界有師子佛、名聞佛、名光佛、達磨佛、法幢佛、持法佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌相，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』舍利弗！上方世界有梵音佛、宿王佛、香上佛、香光佛、大皀肩佛、雜色寶華嚴身佛、娑羅樹王佛、寶華德佛、見一切義佛、如須彌山佛，如是等恆河沙數諸佛，各於其國出廣長舌相，徧覆三千大千世界，說誠實言：『汝等眾生，

當信是稱讚不可思議功德，一切諸佛所護念經。』

舍利弗！於汝意云何？何故名為一切諸佛所護念

經？舍利弗！若有善男子、善女人聞是經受持者，及聞

諸佛名者，是諸善男子、善女人皆為一切諸佛之所護

念，皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。是故舍利弗！

汝等皆當信受我語及諸佛所說。舍利弗！若有人已發

願、今發願、當發願，欲生阿彌陀佛國者，是諸人等，

皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提；於彼國土若已生、

若今生、若當生。是故舍利弗！諸善男子、善女人若有

信者，應當發願生彼國土。

舍利弗！如我今者，稱讚諸佛不可思議功德，彼諸佛等亦稱讚我不可思議功德，而作是言：『釋迦牟尼佛能為甚難希有之事！能於娑婆國土、五濁惡世劫濁、見濁、煩惱濁、眾生濁、命濁中得阿耨多羅三藐三菩提；為諸眾生說是一切世間難信之法。』舍利弗！當知我於五濁惡世，行此難事，得阿耨多羅三藐三菩提，為一切世間說此難信之法，是為甚難！」佛說此經已，舍利弗及諸比丘、一切世間天人阿修羅等，聞佛所說，歡喜信

受，作禮而去。

佛說阿彌陀經

拔一切業障根本得生淨土陀羅尼（往生咒）

南無阿彌多婆夜 哆他伽哆夜 哆地夜他 阿彌

唎都婆毘 阿彌唎哆 悉耽婆毘 阿彌唎哆 毘迦蘭

帝 阿彌唎哆 毘迦蘭哆 伽彌膩 伽伽那 枳多迦

隸 娑婆訶（誦三遍）

讚佛偈

阿彌陀佛身金色 相好光明無等倫

白毫宛轉五須彌 紺目澄清四大海

光中化佛無數億 化菩薩眾亦無邊

四十八願度眾生 九品咸令登彼岸

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛

南無阿彌陀佛（稱念一千聲或五百隨意皆得）

南無觀世音菩薩

南無大勢至菩薩

南無清淨大海眾菩薩（各十稱）